

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019**

Hà Nội, tháng 03/2020



MỤC LỤC

TÓM TẮT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Lĩnh vực hoạt động

Mô hình quản trị

Công ty thành viên

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá tình hình chung

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đánh giá việc thực hiện mục tiêu năm 2019

Kế hoạch hoạt động năm 2020

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ năm 2019.

(các bản báo cáo chỉ là bản tóm lược, để xem đầy đủ các báo cáo tài chính xin vui lòng xem tại website của www.ctin.vn của Công ty)

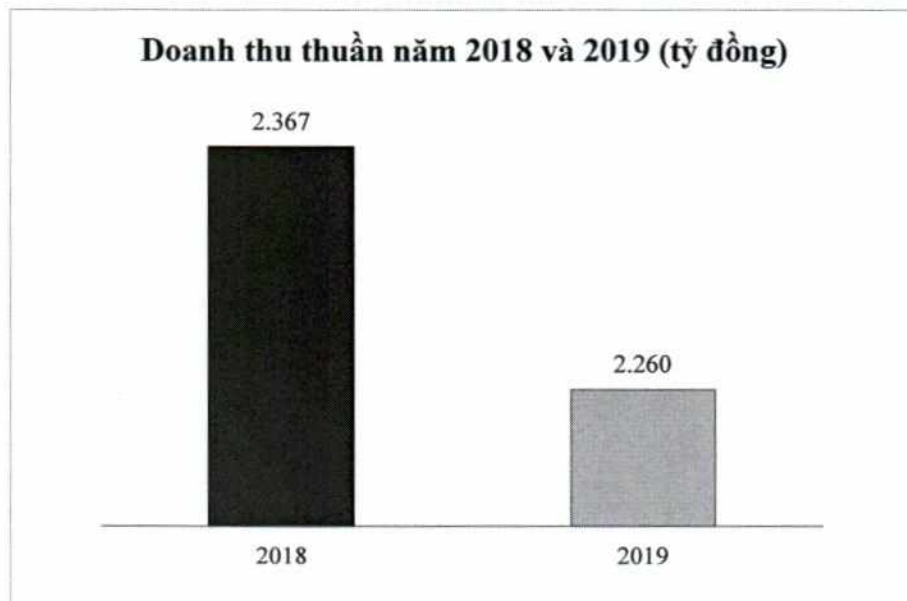
1006
CÔNG
CỔ
LIÊN TH
B
TÀI BA

TÓM TẮT CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

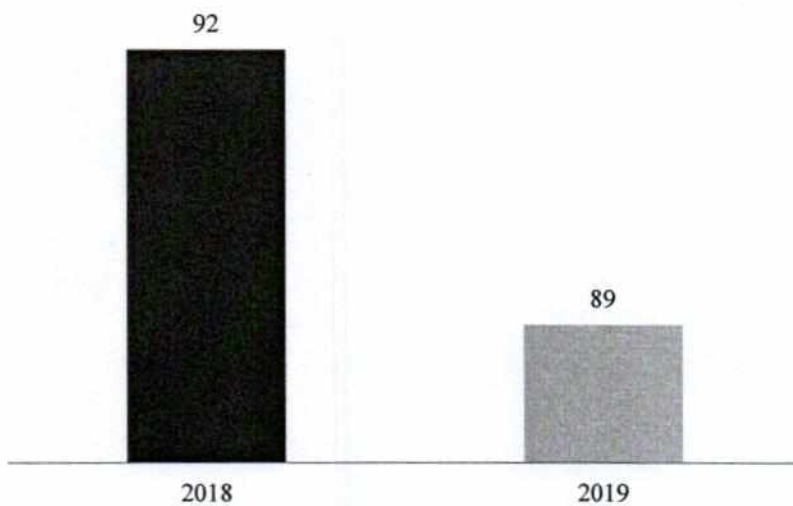
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018 ^(*)	2019
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.367	2.261
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.367	2.260
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.189	2.041
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	177	218
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	56	28
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	64	41
Phần lãi trong công ty liên kết	Tỷ đồng	5	(2)
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	7	45
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	65	52
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	101	104
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	7	4
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	108	109
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	92	89

Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.012	2.196
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	321	321
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	638	686
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
ROA	%	4,0	4,2
ROE	%	14,9	13,4

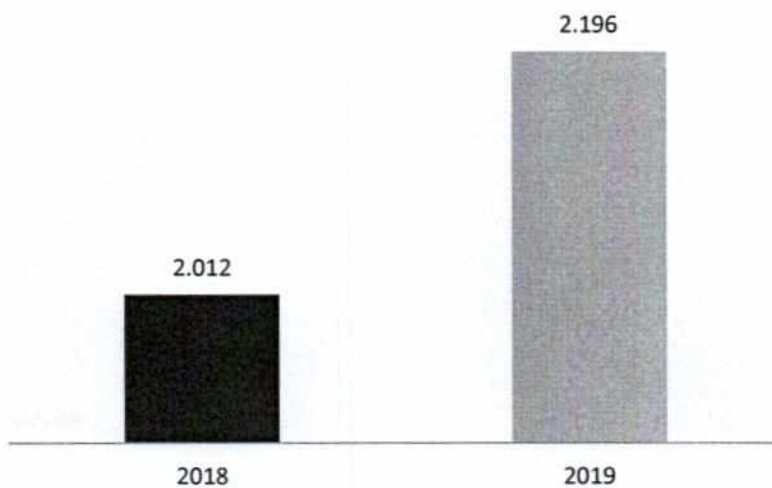
(*) Các số liệu năm 2018 dựa trên số liệu điều chỉnh trong BCTC kiểm toán năm 2019



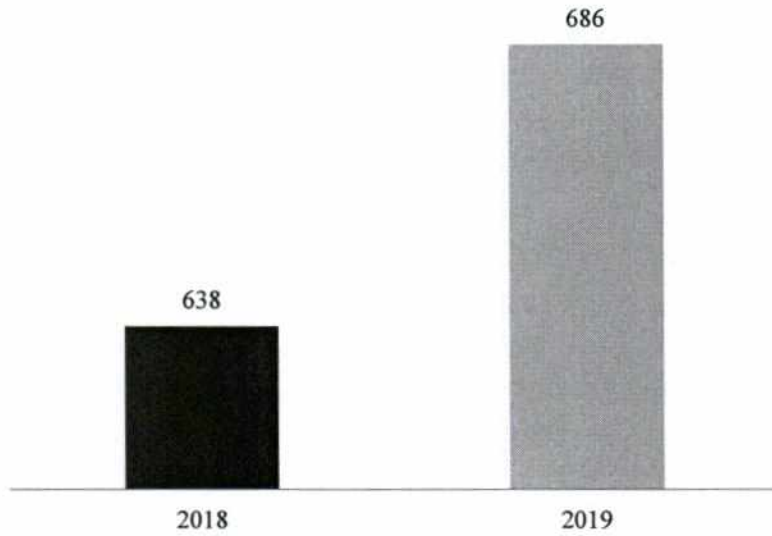
Lợi nhuận sau thuế năm 2018 và 2019 (tỷ đồng)



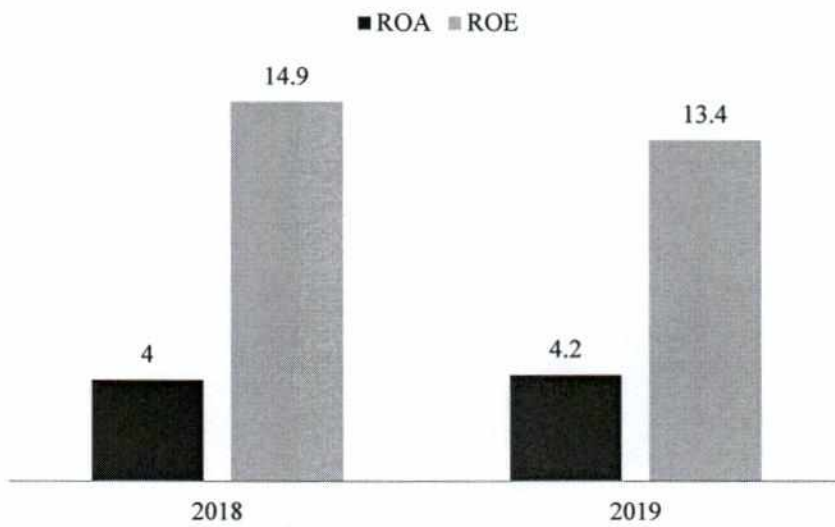
Tổng tài sản năm 2018 và 2019 (tỷ đồng)



Vốn chủ sở hữu năm 2018 và 2019 (tỷ đồng)

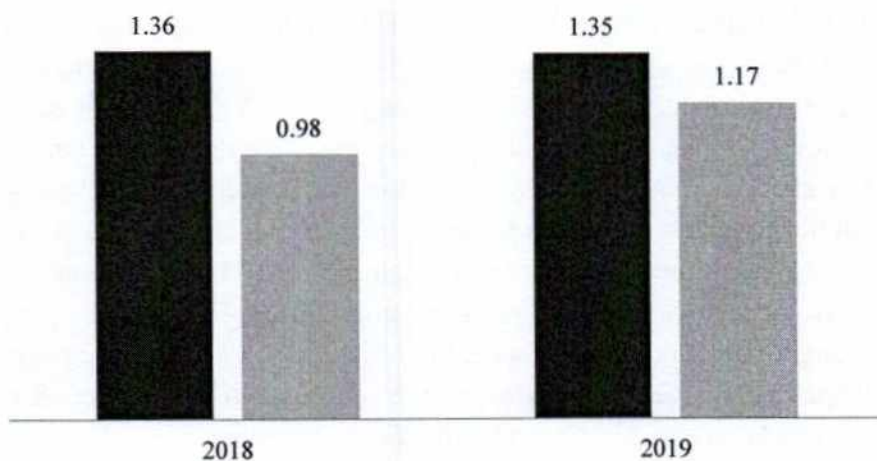


Hệ số sinh lời năm 2018 và 2019 (%)



Hệ số thanh toán năm 2018 và 2019

■ Hệ số thanh toán hiện thời ■ Hệ số thanh toán nhanh



GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

I. Giới thiệu khái quát

Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện:

Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (CTIN) là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin. CTIN là doanh nghiệp đầu tiên thực hiện triển khai lắp đặt các dự án mạng di động tại Việt Nam. CTIN là công ty hàng đầu tại Việt Nam với thị phần lớn nhất trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cũng như cung cấp các giải pháp tích hợp hạ tầng cơ sở mạng di động cho các nhà khai thác như Vinaphone, Mobifone và Viettel; là đối tác hàng đầu của các hãng sản xuất nổi tiếng thế giới như Cisco Systems, Ericsson, Huawei, HP, Dell, IBM về thiết bị mạng cho thị trường viễn thông. Sự phát triển mạnh mẽ của CTIN đạt được là nhờ vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng. CTIN luôn coi trọng công tác quản lý doanh nghiệp hướng tới lợi ích của khách hàng, luôn đặt mục tiêu đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách hiệu quả nhất và nhanh chóng nhất. Yếu tố quan trọng dẫn đến thành công trong kinh doanh của CTIN là sự chủ động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước giúp công ty nắm bắt được các công nghệ mới, đáp ứng tốt mọi nhu cầu của khách hàng.

CTIN nằm trong 4 doanh nghiệp tư nhân Viễn thông và Công nghệ thông tin lớn nhất theo đánh giá của VN Report 500 năm 2010 - 2017.

1. Thông tin chung

Tên công ty: Công ty cổ phần viễn thông – tin học bưu điện

Mã cổ phiếu: ICT

Vốn điều lệ: 321.850.000.000

Mã số thuế: 0100683374

Trụ sở chính: Ngõ 158/2 Phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024.38634597

Điện thoại: +84-4-38634597 / Fax: +84-4-38632061

2. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi:

II. Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm/Giai đoạn	Sự kiện
1972	- Công ty cổ phần Viễn thông tin học Bưu điện tiền thân là Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin I.
2002	- Tháng 12 năm 2002, CTIN chính thức được Cisco chỉ định là

	<p>đối tác đầu tiên cung cấp công nghệ cao trong các dự án mạng quang của Cisco tại Việt Nam, trở thành 1 trong 3 đối tác ATP của Cisco tại khu vực ASEAN và thứ 7 toàn châu Á.</p>
2005	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Bưu chính Viễn thông tặng Bằng khen “Doanh nghiệp quản lý chất lượng sản xuất phần mềm” - Bằng khen giải Sao Khuê của VINASA và huy chương vàng cho sản phẩm “Hệ thống thông tin điều hành AIS”
2006	<ul style="list-style-type: none"> - Lần đầu tiên Công ty đã ký được hợp đồng và thực hiện các dự án viễn thông triển khai trọn gói từ lắp đặt, hoà mạng, nghiệm thu bàn giao một cách độc lập - Triển khai thành công dự án lắp đặt trọn gói Viba Pasolink tại mạng HT-Mobile từ thiết kế-lắp đặt-bàn giao, được đối tác và nhà khai thác đánh giá cao về chất lượng và tính chuyên nghiệp. - CTIN đạt được giải thưởng của Cisco trong năm tài chính 2006: Top Optical Partner FY 2006.
2007	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin điều hành - AIS của CTIN đoạt giải Sao Khuê 2007. - CTIN được công nhận là Đối tác Bạc (Silver Partner) của Cisco. - CTIN ký kết với Cục Bưu điện Trung ương hợp đồng thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước. Dự án đánh dấu năng lực của CTIN đã lên một tầm mới, có khả năng triển khai các dự án giá trị triệu USD, trải rộng trên toàn quốc.
2010	<ul style="list-style-type: none"> - CTIN lọt vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2010. - Năm 2010, CT-IN là đối tác duy nhất ở Việt Nam và là 1 trong 2 đối tác tại khu vực Đông Nam á được trao chứng chỉ “Global Silver Engineering Partner” của Huawei. - CTIN nhận “Cúp Thăng Long năm 2010” của Thành phố Hà Nội. - CTIN đạt được nhiều giải thưởng của Cisco trong năm tài chính 2009 bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Top SI FY 2010 + Top Service FY 2010 + Customer Satisfaction Excellence FY 2010
2011	<ul style="list-style-type: none"> - CTIN nhận giải “Đối tác triển khai giải pháp Viễn thông xuất sắc nhất năm 2011” của IBM. - CTIN tiếp tục là đối tác hàng đầu của Cisco trong thị trường các nhà cung cấp dịch vụ. <p>Công ty Cổ phần Viễn thông tin học Bưu điện (CT-IN) được vinh danh với 3 giải thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Top service provider partner (đối tác xuất sắc trong thị trường các nhà cung cấp dịch vụ). + Top Advanced service partner (đối tác cung cấp dịch vụ cao cấp xuất sắc). + Customer Satisfaction Excellence partner (đối tác xuất sắc đạt mức độ hài lòng cao của khách hàng).

<p>2012</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CTIN đạt chứng chỉ CMMi level 3. - Năm thứ 2 liên tiếp nhận giải thưởng “Đôi tác xuất sắc trong thị trường các nhà cung cấp dịch vụ” của Cisco. - Xây dựng Hệ thống giám sát các sự cố an toàn mạng” thuộc dự án “Xây dựng hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia tại VNCERT-Bộ TTTT. Giá trị hợp đồng 1,1 triệu USD; - CTIN tiếp tục lọt vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012. - CTIN Top 200 DNTN đóng thuế thu nhập lớn nhất VN.
<p>2013</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CTIN cùng VNCERT tiếp tục triển khai Hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia - Lắp đặt hệ thống giám sát và an ninh tòa nhà Trung tâm điều hành khai thác và phát triển các dịch vụ Tin học- Viễn thông tại 57 Huỳnh Thúc Kháng - Cung cấp hệ thống giám sát sự cố an toàn mạng giai đoạn II - Mở rộng hệ thống hạ tầng Ảo hóa phục vụ cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTIN tiếp tục lọt vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2013. - CTIN Top 200 DNTN đóng thuế thu nhập lớn nhất VN.
<p>2014</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thưởng: 30 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam 2014. - Giải thưởng: “Managed Service Partner” và “Top Service SI Partner” của Cisco Systems. - Tối ưu mở rộng và nâng cao chất lượng vùng phủ sóng 2G mạng VinaPhone tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang, Bình Dương, Tiền Giang, Bến Tre.
<p>2018</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CTIN nhận giải thưởng “Top System Intergrator Partner of FY18” và “Top Global Service Provider Partner of FY18” của Cisco - Năm thứ 5 liên tiếp CTIN được vinh danh trong Top 50 Doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam. - CTIN lọt Top doanh nghiệp Giải pháp phần mềm và Tích hợp hệ thống uy tín năm 2018.
<p>2019</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lần thứ 6 liên tiếp CTIN nhận danh hiệu Doanh nghiệp Công nghệ Thông tin hàng đầu Việt Nam

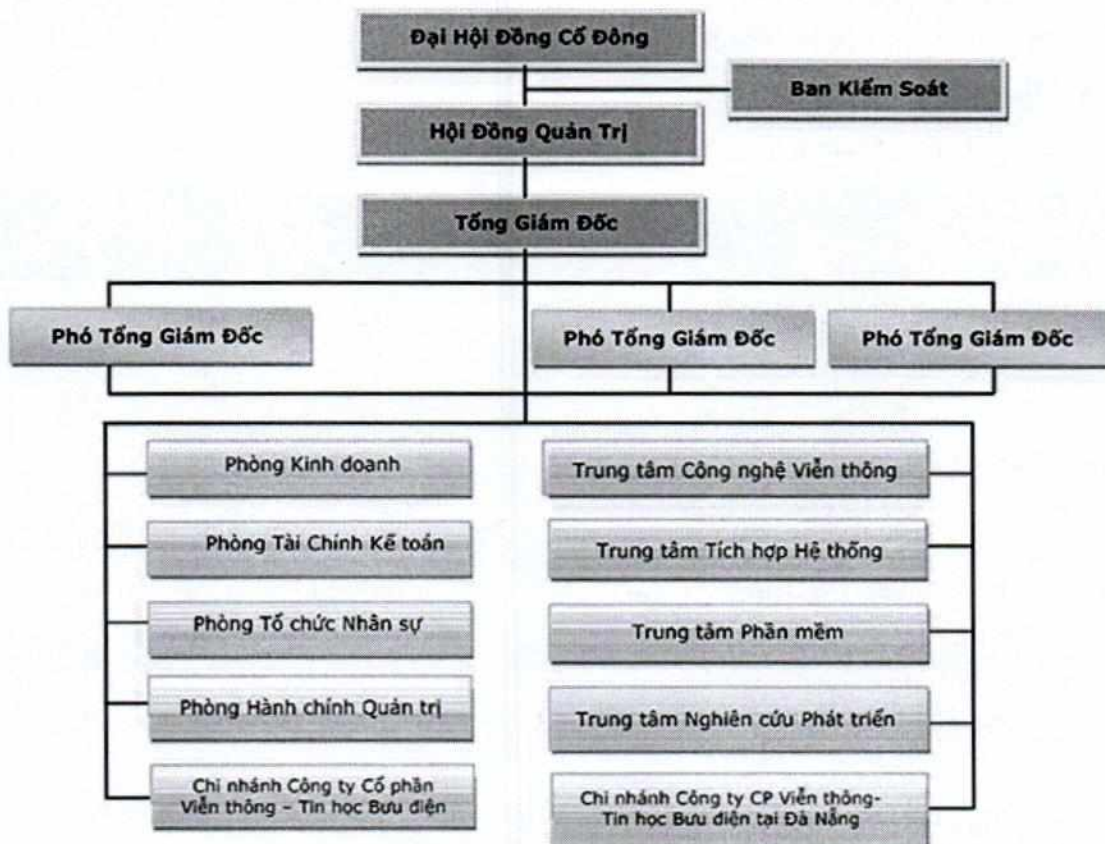
III. Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Cho thuê hạ tầng cơ sở mạng viễn thông;
- Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng mạng viễn thông;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả sản xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;

- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Xây lắp công trình viễn thông.

IV. Mô hình quản trị công ty



Công ty con:

Tên công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện	100%

- Địa chỉ: 158/2 Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Vốn điều lệ thực góp: 48.000.000.000 đồng;
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

Công ty liên kết:

Ngày 20/07/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt đã hoàn thành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 30519/NQ/ĐHĐCĐ-VDI ngày 30/05/2019 từ 50 tỷ đồng lên 105 tỷ đồng. Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt giảm từ 40% xuống còn 19% tại thời điểm ngày 20/07/2019. Từ ngày 20/07/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt không còn là công ty liên kết của Công ty.

VI. Giới thiệu ban lãnh đạo

Thành viên Hội đồng Quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Hoàng Anh Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Ông Phạm Văn Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị

1. Ông **Nguyễn Trí Dũng**:

- Sinh năm: 1964;
- Trình độ chuyên môn:
 - o Kỹ sư vô tuyến điện
- Từ 04/1981 đến 02/1982: Công tác tại phân xưởng II thuộc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
- Từ 02/1982 đến 05/1984: Đi nghĩa vụ quân sự.
- Từ 06/1984 đến 02/1992: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ 12/1992 đến 04/2000: Phó Giám đốc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ 04/2000 đến 11/2001: Giám đốc Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I.
- Từ 11/2001 đến 09/2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông - Tin học Bưu điện.
- 09/2018 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.

2. Ông **Tô Hoài Văn** (xem trong phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc của Công ty)

3. Ông **Hà Thanh Hải** (xem trong phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc của Công ty)

4. Ông **Hoàng Anh Lộc** (xem trong phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc của Công ty)
5. Ông **Nguyễn Thế Thịnh** (xem trong phần giới thiệu về Ban Tổng Giám đốc của Công ty)
6. Ông **Nguyễn Ngọc Sơn** (xem trong phần giới thiệu về Kế toán trưởng của Công ty)
7. Ông **Phạm Văn Hạnh**:
 - Sinh năm: 1964;
 - Trình độ chuyên môn:
 - o Kỹ sư viễn thông.
 - o Thạc sỹ kỹ thuật.
 - Từ 04/1992 đến Nay: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
 - o Từ 03/2007 đến Nay: Giám đốc Trung tâm Công nghệ Viễn thông thuộc Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện.

Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lâm Nhị Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Hà Bình	Thành viên Ban kiểm soát

1. Bà Lâm Nhị Hà

- Sinh năm: 1964;
- Trình độ chuyên môn:
 - o Cử nhân Kế toán.
 - o Cử nhân Luật.
- Từ 1983 đến 1999: Công tác tại Tổng Công ty Xi măng Việt nam.
- Từ 1999 đến Nay : Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
 - o Từ 03/1999 đến 02/2016: Kế toán trưởng Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I, sau là Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (từ tháng 11/2001).
 - o Từ năm 2006 – 2017: thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.

- Từ năm 2017 đến Nay: thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện; Trưởng Ban Kiểm soát kể từ tháng 11/2019).

2. Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Sinh năm: 1974;
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Vật lý.
 - Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.
- Từ 1995 đến Nay : Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
 - Từ 2001 đến Nay: Phó Giám đốc Kinh doanh, Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.
 - Từ năm 2017 – Nay: thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện; Trưởng Ban Kiểm soát kể từ tháng 05/2017 đến tháng 10/2019).

3. Bà Lê Thị Hà Bình

- Sinh năm: 1977;
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Quan hệ quốc tế.
 - Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.
 - Thạc sỹ Marketing.
- Từ 1995 đến 2011: Công tác tại Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I (nay là Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
 - Từ năm 2017 – Nay: thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện;
- Từ 2011 – Nay: Công tác tại Công ty cổ phần Kỹ thuật số Việt.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

1. Ông Hà Thanh Hải - Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1976;
- Trình độ chuyên môn:
 - Kỹ sư Điện – Điện tử;
 - Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng;
 - Cử nhân Chính trị học chuyên ngành Chính trị học Phát triển;
 - Thạc sỹ Quản lý Kinh doanh;
 - Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh.
- Làm việc tại Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện từ năm 2001 đến 2007;
- Từ năm 2007 đến 2017 được điều động biệt phái giữ vị trí Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội;

- Từ tháng 11/2016 được bổ nhiệm làm Phó TGĐ Công ty CTIN;
 - Từ tháng 09/2018 được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty CTIN;
 - Từ tháng 05/2017 - Nay: thành viên Hội đồng quản trị Công ty CTIN;
2. Ông **Tô Hoài Văn** - Phó tổng Giám đốc
- Sinh năm: 1964;
 - Trình độ chuyên môn:
 - o Thạc sỹ Kinh tế;
 - o Kỹ sư máy tính.
 - Từ năm 1990 đến năm 1991 công tác tại Viện vật lý – Viện khoa học Việt Nam;
 - Làm việc tại Công ty từ năm 1991 đến nay.
 - o Từ 04/1996 đến 10/2001: Phó Giám đốc Xí nghiệp KHSX Thiết bị Thông tin I (tiền thân của Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện).
 - o Từ 11/2001 - Nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện
3. Ông **Hoàng Anh Lộc** Phó Tổng Giám đốc
- Sinh năm: 1972;
 - Trình độ chuyên môn:
 - o Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
 - o Kỹ sư nhiệt Công nghiệp.
 - Làm việc tại Công ty từ 09/1994 đến nay:
 - o Từ 01/2010 – 11/2016: Thành viên HĐQT, Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.
 - o Từ 11/2016 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.
4. Ông **Nguyễn Thế Thịnh** - Phó Tổng Giám đốc
- Sinh năm: 1964
 - Trình độ chuyên môn:
 - o Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh;
 - o Kỹ sư nhiệt Công nghiệp.
 - Từ 12/1987 đến 04/1992 công tác tại Viện thiết kế kỹ thuật Thương nghiệp – Bộ Nội thương;
 - Từ năm 04/1992 đến nay công tác tại CTIN;
 - o Từ 01/1999 đến 11/2001: Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp KHSX Thiết bị Thông tin I (tiền thân của Công ty CTIN)
 - o Từ 11/2001 đến 09/2009: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Viễn thông –Tin học Bưu điện.
 - o Từ 10/2009 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện.

- o Từ 01/2018 đến nay: được Công ty điều động biệt phái giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội.

Kế toán trưởng - Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Sinh năm 1972;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tín dụng;
- Trước tháng 11/1999, công tác tại Công ty Xi măng Hà Tiên II & Công ty Xi măng Bút Sơn thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Công tác tại CTIN từ tháng 11/1999 tới nay:
 - o Từ tháng 11/2001 đến 05/2017: thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện; Trưởng Ban Kiểm soát kể từ 07/2007.
 - o Từ tháng 11/2006 đến Nay: Kế toán trưởng Công ty CTIN.
 - o Từ 05/2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CTIN.

VII. Định hướng phát triển

Duy trì thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống:

- ❖ Tầm nhìn:
 - Là công ty tích hợp hệ thống số 1 tại thị trường nhà mạng viễn thông truyền thống (Telcos)
 - Là công ty cung cấp dịch vụ quản lý vận hành mạng lưới số 1 Việt Nam.
 - Đóng vai trò là đơn vị trụ cột trong Tập đoàn VNPT trong các lĩnh vực cung cấp hàng hóa thiết bị, dịch vụ thiết kế, triển khai, bảo trì và tối ưu hóa mạng lưới.
- ❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:
 - Tập trung tăng trưởng doanh thu trong lĩnh vực tích hợp hệ thống để giữ vững vị trí số 1 tại 2 nhà mạng truyền thống VNPT và Mobifone, đồng thời phát triển mở rộng thị phần tại thị trường Viettel.
 - Nỗ lực thúc đẩy lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận hành thuê cho các nhà mạng. Về lâu dài, sự tham gia vào mô hình thuê ngoài vận hành sẽ điều chỉnh mối quan hệ giữa CTIN với các nhà mạng từ quan hệ mua – bán sang quan hệ đối tác về kỹ thuật công nghệ theo hình thức chia sẻ lợi ích từ lợi nhuận, từ doanh thu hay từ lưu lượng của nhà mạng.

Phát triển kinh doanh trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp:

- ❖ Tầm nhìn:
 - Trở thành công ty tích hợp hệ thống hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp.
- ❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:
 - Triển khai đa dạng hóa các giải pháp tích hợp cao như giải pháp về cơ – điện (M&E) với khả năng tự động hóa (Automation) và tính thông minh (Smart), các giải pháp bảo mật (Security) sử dụng công nghệ điện toán đám mây kết hợp với trí tuệ nhân tạo

(AI) để đảm bảo các mục tiêu và an toàn cho Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ đón đầu xu hướng để triển khai các giải pháp tích hợp hệ thống có tính phổ rộng như IoT, Smart City, Smart Hospital, E-Government, v.v...

- Tham gia sâu rộng vào các chương trình mua sắm đầu tư công của Chính phủ và các doanh nghiệp lớn; đặc biệt là các dự án đầu tư công – tư của Chính phủ hay các dự án có tính đặc thù chuyên biệt cao của các doanh nghiệp; chiếm ít nhất 30% thị phần tại một số khách hàng chủ chốt, đặc biệt chú trọng các bộ ban ngành và các doanh nghiệp đã xây dựng được mối quan hệ lâu dài như Bộ Tài Chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng, Bộ Giao thông Vận tải và các Doanh nghiệp thuộc bộ, EVN, Ngân hàng Nhà nước và một số Ngân hàng thương mại.
- Bám sát các dự án đầu tư về giải pháp tích hợp hệ thống viễn thông và tin học của khách hàng.
- Trở thành đơn vị có khả năng tư vấn cho khách hàng về lựa chọn các giải pháp đầu tư, giúp khách hàng mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung phát triển các dự án đầu tư – vận hành thuê và thu phí cho các đối tượng khách hàng trong thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp.

Hợp tác kinh doanh các dịch vụ số:

- ❖ Cơ sở thực hiện:
 - Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nở rộ với những đột phá về công nghệ.
- ❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:
 - Thúc đẩy mô hình liên kết/ hợp tác với các đối tác và các nhà mạng khác nhằm cung cấp các giải pháp, sản phẩm và dịch vụ số cho các khách hàng Chính phủ - Doanh nghiệp với thương hiệu chung của Tập đoàn VNPT.
 - Hợp tác với các nhà khai thác dịch vụ viễn thông – tin học nhằm cung cấp các dịch vụ số cho khách hàng tiêu dùng cuối cùng (consumer). Đồng thời khai thác dữ liệu khách hàng (big data mining) nhằm phát triển thêm các dịch vụ.
 - Tập trung xây dựng hệ sinh thái thanh toán cho các loại dịch vụ trên nền tảng mạng thông tin di động.

Đầu tư xây dựng và cho thuê hạ tầng:

- ❖ Cơ sở thực hiện:
 - Mô hình nhà mạng thuê lại hạ tầng của các đơn vị khác đầu tư cũng rất phổ biến trên thế giới.
 - Bên cạnh đối tượng khách hàng là các nhà mạng, thị trường Chính phủ - Doanh nghiệp cũng đón đầu xu hướng này nhằm giúp các tổ chức này tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và thời gian cho các thủ tục đầu tư ban đầu.
- ❖ Định hướng về thị trường mục tiêu:
 - Phối hợp với VNPT chuẩn hóa việc đầu tư xây dựng hạ tầng với mục tiêu biến mỗi nhà trạm thành một trung tâm dữ liệu nhỏ.

- Cho thuê cơ sở hạ tầng trong thị trường là các nhà mạng truyền thống như trạm thu phát sóng đa năng, cáp quang và hạ tầng viễn thông tin học trong các tòa nhà.
- Cho thuê cơ sở hạ tầng trung tâm cơ sở dữ liệu (Data center) tại thị trường VNPT và các nhà mạng khác.
- Mục tiêu chuyển dần quan hệ giữa CTIN và các khách hàng từ quan hệ mua – bán sang quan hệ thuê mua định kỳ, là đối tác theo định hướng chia sẻ lợi ích, đôi bên đều có lợi.

VIII. Các rủi ro

1. Rủi ro về tỷ giá:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gắn liền với hoạt động nhập khẩu thiết bị, công nghệ từ nước ngoài, tới ngày 31/12/2019 số nợ phải trả bằng ngoại tệ là rất lớn, nếu tỉ giá mua bán ngoại tệ tại các Ngân hàng trong tương lai có sự biến động quá lớn đặc biệt là sự biến động theo chiều hướng tiêu cực sẽ ảnh hưởng rất xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về lãi suất vay ngân hàng:

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng nguồn vốn vay của các ngân hàng, khi nguồn vốn và lãi suất cho vay của các ngân hàng biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro về khoản phải thu

Tại thời điểm 31/12/2019 tổng số dư nợ phải thu của công ty là 1.702 tỷ đồng, trong đó có những khoản phải thu tiềm ẩn rủi ro về thời hạn thanh toán (khách hàng không thể thanh toán đúng hạn) có ảnh hưởng không tốt đến dòng vốn và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh khiến Công ty chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019

Bối cảnh kinh tế vĩ mô

Năm 2019, nền kinh tế – xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ & Trung Quốc cùng với các vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể sự bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Tuy nhiên theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2019, Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đầy ấn tượng với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8% (Quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%; quý III tăng 7,48%; quý IV tăng 6,97% – thấp hơn giai đoạn 2017 – 2018). Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011.

Tình hình hoạt động năm 2019:

Đơn vị: tỷ đồng

Số thứ tự	Chỉ Tiêu	KH 2019		TH 2019		TH 2019/KH 2019	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	2.672	2.673	2.293	2.294	92,2%	93,5%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	2.647	2646	2.260	2.260	85,4%	85,4%
1.2	Doanh thu hoạt động Tài chính	19	21	27	28	142,1%	133,3%
1.3	Doanh thu khác	6	6	6	6	100,5%	100,5%
2	Lợi nhuận trước thuế	121	127	108	109	89,3%	85,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	97	102	89	89	92,2%	87,8%
4	Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019	625	625	680	686	108,7%	109,8%

5	Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)	15,55%	16,36%	13,67%	13,62%	83,2%	87,8%
6	Giá trị sổ sách trên mỗi CP tại 31/12/2019 (đồng)	19.419	19.419	21.125	21.337	108,8%	109,8%

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

- Tổng doanh thu: Tổng doanh thu tổng hợp của Tổng công ty năm 2019 đạt 2.293 tỷ đồng, giảm 5,4% so với năm 2018 và bằng 92,2% kế hoạch năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ năm 2019 đạt 108 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2018 và đạt 89,3% kế hoạch năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế tổng hợp Công ty mẹ năm 2019 đạt 89 tỷ đồng, tăng 1,4% so với năm 2018 và đạt 92,2% kế hoạch năm 2019.

Kết quả kinh doanh hợp nhất

- Tổng doanh thu: Tổng doanh thu tổng hợp của Công ty năm 2019 đạt 2.294 tỷ đồng, giảm 5,6% so với năm 2018 và bằng 93,5% kế hoạch năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty năm 2019 đạt 109 tỷ đồng, tăng 0,7% so với năm 2018 và đạt 85,5% kế hoạch năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty năm 2019 đạt 89 tỷ đồng, giảm 3,4% so với năm 2018 và bằng 87,8% kế hoạch năm 2019.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.367	2.261
Doanh thu thuần	2.367	2.260
Giá vốn hàng bán	2.189	2.042
Lợi nhuận gộp	178	218

Doanh thu tài chính	56	28
Chi phí tài chính	65	41
Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	5	(2)
Chi phí bán hàng	7	46
Chi phí QL doanh nghiệp	66	52
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	101	105
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	7	4
Lợi nhuận trước thuế	108	109
Lợi nhuận sau thuế	93	89

II. Tổ chức và nhân sự

1. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2019

Không có sự thay đổi trong Ban điều hành năm 2019

2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Tổng công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất.
- Đối với lực lượng lao động trực tiếp, được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn và bảo hộ lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho Công ty. Tùy từng vị trí cụ thể, Công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV của Công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề.

Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

- CBCNV được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBCNV,... từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Công ty.

- Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

3. Thống kê nhân sự năm 2019.

Diễn giải	ĐVT	Số đầu năm 2019	Số cuối năm 2019
Tổng số lao động	người	489	438
Trong đó:			
- Lao động có trình độ trên Đại học	"	29	29
- Lao động có trình độ Đại học & tương đương	"	298	278
- Lao động có trình độ Cao đẳng & tương đương	"	62	53
- Lao động có trình độ Trung cấp & tương đương	"	54	39
- Lao động có trình độ Công nhân, tốt nghiệp PTTH	"	46	39
Lao động có trình độ cao	"	6 người đạt CCIE của Cisco	8 người đạt CCIE của Cisco

III. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2019/2018
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.012	2.196	109,15%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.367	2.261	95,52%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	56	28	50,00%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	101	105	103,96%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	108	109	100,93%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	93	89	95,70%

2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2019/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,36	1,35	99,28%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,98	1,17	119,02%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	68%	69%	100,66%
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	215%	220%	102,11%

3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,20	5,17	99,41%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Vòng	1,04	1,07	103,65%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Hệ số LNST / Tổng TS	%	4,07	4,27	104,84%
Hệ số LNST / VCSH	%	15,06	13,55	89,97%
Hệ số LNST / DTT	%	3,93	3,97	101,15%
Hệ số LN từ HĐKD / DTT	%	4,28	4,63	108,25%

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Thuận lợi:

- Có sự chuẩn bị kỹ về kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát tăng thấp đã ảnh hưởng tích cực đến chi phí SXKD của Công ty.
- Có sự đồng lòng nhất trí của các đơn vị và người lao động với Ban lãnh đạo Công ty trong việc định hướng kinh doanh năm 2019.

2. Khó khăn:

- Việc tái cơ cấu tại Tổng công ty Thông tin di động Mobifone đang trong quá trình hoàn thiện, đây là một trong những khách hàng trọng điểm của Công ty trong các năm qua, sẽ có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đối thủ chính trên thị trường Viễn thông và CNTT đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động SXKD của Công ty. Nhiều dự án trọng điểm bị trượt thầu do giá trúng thầu quá thấp hoặc Công ty phải từ bỏ vì hiệu quả kinh doanh không đạt được mục tiêu đề ra.

II. Kết quả kinh doanh năm 2019

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ Tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So sánh	
					So với TH 2018	So với KH 2019
1	Tổng doanh thu	2430	2.673	2.294	94,4%	93,5%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	2367	2646	2.260	95,5%	85,4%
1.2	Doanh thu hoạt động Tài chính	56	21	28	50,0%	133,3%
1.3	Doanh thu khác	7	6	6	85,7%	100,5%

2	Lợi nhuận trước thuế	108	127	109	100,9%	85,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	93	102	89	95,7%	87,8%

Năm 2019 các chỉ tiêu kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty chưa đạt được kỳ vọng đặt ra cho năm 2019, các nguyên nhân chính là:

- Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức. Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành về giá cả khiến biên lợi nhuận bị giảm sút so với dự kiến. Ngoài ra, kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty còn chịu tác động lớn từ việc tái cơ cấu của nhà mạng Mobifone khiến các dự án lớn bị đình chệ, chậm tiến độ.
- Công ty chủ yếu nhập khẩu hàng hóa từ thị trường nước ngoài, nguồn hàng có chi phí cao trong khi giá bán sản phẩm cạnh tranh làm giảm sút hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

2. Tình hình biến động tài sản và nợ phải trả năm 2019

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ Tiêu	TH 2018 (1)	KH 2019 (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Tổng tài sản	2.012	2.196	184
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.846	2.024	178
1.2	Tài sản dài hạn	166	172	6
2	Nợ phải trả	1.374	1.510	136
2.1	Nợ phải trả ngắn hạn	1.359	1.501	142
2.2	Nợ phải trả dài hạn	15	8	-7

Tình hình tài sản:

Trong năm 2019, tổng tài sản của Công ty tăng 184 tỷ đồng từ 2.012 tỷ đồng lên 2.196 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 178 tỷ đồng từ 1.846 tỷ đồng lên 2.024 tỷ đồng;
- Tài sản dài hạn tăng từ 166 tỷ đồng lên 172 tỷ đồng.

Nguyên nhân biến động:

- Biến động tài sản ngắn hạn:
 - o Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm có sự gia tăng lớn (tăng 142 tỷ đồng) do cuối năm Công ty đẩy mạnh việc đóng các dự án còn dang dở trong năm.
 - o Cuối năm 2019, các khoản thu ngắn hạn của Công ty tăng từ 1.123 tỷ đồng lên 1.378 tỷ đồng chủ yếu do sự tăng lên của các khoản công nợ phải thu khách hàng tăng 266 tỷ đồng.
 - o Hàng tồn kho cuối năm giảm so với đầu năm do Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cuối năm giảm 229 tỷ đồng do công ty đẩy mạnh nghiệm thu các dự án còn tồn đọng tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong năm 2020.
- Biến động tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn năm 2019 của Công ty tăng 15 tỷ đồng do sự tăng lên trong chi phí dở dang dài hạn, Công ty hiện đang đầu tư hình thành sản cố định nhằm mục đích cho thuê lại.

Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả ngắn hạn tăng từ 1.359 tỷ đồng lên 1.501 tỷ đồng;
- Nợ phải trả dài hạn giảm từ 15 tỷ đồng xuống còn 8 tỷ đồng.

Trong đó:

- Vay và nợ thuê tài chính năm 2019 tăng từ 706 tỷ đồng lên 829 tỷ đồng do năm 2019 công ty đẩy mạnh giải ngân phục vụ các dự án lớn với VNPT và Viettel;
- Người mua ứng trước tiền hàng giảm từ 38 tỷ đồng xuống còn 34 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do dự án với Bộ tài chính đã hoàn thành và thực hiện nghiệm thu bàn giao, các khoản ứng trước theo hợp đồng đã được bù trừ và chuyển thành khoản phải thu khách hàng.
- Phải trả người lao động giảm từ 57 tỷ đồng xuống còn 42 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do các khoản lương hiệu quả phải trả người lao động năm 2019 giảm hơn so với năm 2018 và sẽ được Công ty chi trả trong Q1/2019.
- Nợ dài hạn cuối năm giảm so với năm 2018 6 tỷ đồng do Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hoạt động một cách sâu rộng, sau khi ổn định cơ cấu tổ chức, tiến hành quyết liệt việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị trong hoạt động nhân sự, tiền lương, điều hành sản xuất và tự chủ một phần trong kinh doanh, gắn kết trách nhiệm và quyền lợi được hưởng cho từng đơn vị, cá nhân đồng thời kiện toàn cơ chế quản lý Tài chính nhằm tạo điều kiện phát triển thuận lợi tối đa cho hoạt động SXKD của toàn Công ty.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2020

1. Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ Tiêu	Kế hoạch 2020		So với TH năm trước	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Tổng doanh thu	2.547	2.548	111%	111%
Tổng lợi nhuận trước thuế	119	120	111%	111%
Lợi nhuận sau thuế	98	99	111%	111%
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH	14%	15%		

Lưu ý: kế hoạch mục tiêu có thể sẽ có sự thay đổi điều chỉnh sau khi cổ đông lớn là Tập đoàn BCVT Việt Nam có ý kiến đối với tờ trình của người đại diện vốn tại doanh nghiệp.

Thuận lợi:

- Có sự đồng thuận của toàn thể người lao động cũng như các đơn vị trong việc định hướng SXKD và Tái cơ cấu của Công ty;
- Công ty đã tạo dựng thành công các mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng quan trọng, được khách hàng tin tưởng và ủng hộ;

- Trình độ kỹ thuật, công nghệ của Công ty đã được khẳng định qua nhiều năm và được các khách hàng lớn công nhận;
- Nhu cầu đầu tư của các nhà mạng có những dấu hiệu tăng trưởng tốt trong năm 2020;
- Một số dự án chiến lược đã được Công ty chuẩn bị, đầu tư từ nhiều năm trước đến giai đoạn này đã bước đầu trở thành hiện thực và hứa hẹn sẽ mang lại thành công cho Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

Khó khăn:

- Thị trường Viễn thông và Công nghệ thông tin tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt;
- Kinh tế vĩ mô tiềm ẩn nhiều rủi ro đặc biệt liên quan đến tỉ lệ lạm phát (chi phí nhân công và các loại chi phí liên quan trực tiếp tới quá trình sản xuất của Công ty như giá xăng dầu, vận chuyển, ...) và tình hình Tài chính (tỉ giá ngoại tệ, lãi suất vay vốn của Ngân hàng có nhiều biến động); Đặc biệt chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ có những chuyển biến phức tạp có thể có những tác động rất lớn tới các mối quan hệ hợp tác kinh doanh của Công ty với các Tập đoàn viễn thông có nguồn gốc từ Trung Quốc.

2. Định hướng chiến lược toàn Công ty.

- Tập trung phát triển và tái cơ cấu Công ty theo hướng: Công ty mẹ CTIN và các Công ty cũng như các Công ty liên kết sẽ hoạt động theo mô hình “Công ty Mẹ - Con”, trong đó pháp nhân CTIN sẽ đóng vai trò là nhà đầu tư và kiểm tra giám sát các Công ty con, Công ty liên kết;
- Chuyển dần quan hệ giữa CTIN với các khách hàng từ quan hệ mua – bán sang quan hệ thuê mua định kỳ, là đối tác theo định hướng chia sẻ lợi ích, đôi bên cùng có lợi
- Hợp tác với các nhà khai thác dịch vụ Viễn thông và CNTT nhằm cung cấp các dịch vụ GTGT cho khách hàng tiêu dùng cuối. Khai thác dữ liệu khách hàng (big data mining) nhằm phát triển thêm các dịch vụ giúp các nhà khai thác tăng trưởng nhưng cũng đồng thời cả thiện trải nghiệm của khách hàng.

3. Giải pháp

- Tiếp tục tái cấu trúc Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa đi kèm các chính sách kích thích khả năng cống hiến, khả năng sáng tạo của nhân viên trên toàn Công ty bao gồm: áp dụng KPI đến từng bộ phận, cải tiến hệ thống lương, thưởng sao cho cạnh tranh tốt trên thị trường nhân lực để có thể giữ được cán bộ nhân viên chất lượng cao, thu hút nhân lực có chất lượng tốt về Kinh doanh và Kỹ thuật cho Công ty.
- Xây dựng đội ngũ kế cận từ cấp Lãnh đạo đơn vị đến Lãnh đạo cấp cao.
- Xây dựng đội ngũ nhân lực nắm được kiến trúc tổng thể để có thể tư vấn ho khách hàng, tư vấn cho Lãnh đạo và kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống Presales và Aftersales bài bản, chuyên nghiệp nhằm gia tăng chất lượng và uy tín trong việc tư vấn và dịch vụ khách hàng.
- Đầu tư cho Trung tâm nghiên cứu phát triển nhằm tạo ra giá trị riêng biệt cho Công ty trong tương lai.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Ông Nguyễn Thế Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Hoàng Anh Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Ông Phạm Văn Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Ông Hà Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành Công ty.

Đặc trưng của Ban lãnh đạo Công ty đều là các thành viên kiêm nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị đều kiêm nhiệm các chức vụ chủ chốt trong Ban lãnh đạo điều hành, chính vì vậy các định hướng và quyết sách của Hội đồng quản trị đều được Ban giám đốc Công ty thực hiện và triển khai nghiêm túc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	06/01/2019	- Thông qua quyền hạn của TGDĐ trong việc ký HĐKT với các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

2	07/2019/NQ-HĐQT	07/01/2019	- Thông qua việc thực hiện đăng ký chứng khoán tại VSD và niêm yết cổ phiếu trên SGD HCM
3	14/2019/NQ-HĐQT	14/01/2019	- Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1/2018
4	17/2019/NQ-HĐQT	17/05/2019	- Thông qua việc chi trả cổ tức lần 2/2018
5	069/2019/NQ-HĐQT	06/09/2019	- Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 8 tháng đầu năm và ước thực hiện kết quả SXKD năm 2019 - Thông qua chủ trương hoàn thiện cơ cấu HĐQT phù hợp với các quy định hiện hành đối với các Công ty niêm yết trên TTCK; - Thông qua chủ trương triển khai xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản “ <i>V/v thực hiện dự án kinh doanh năm 2019 thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ theo quy định của điều lệ...</i> ”
6	26/2019/NQ-HĐQT	26/11/2019	- Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 11 tháng đầu năm và ước thực hiện kết quả SXKD năm 2019
7	27/2019/NQ-HĐQT	19/12/2019	- Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1/2019

Nhìn chung các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức đúng quy định, giải quyết kịp thời và hiệu quả các công việc của Công ty góp phần thực hiện đầy đủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lâm Nhị Hà	Trưởng Ban kiểm soát

2	Ông Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Hà Bình	Thành viên Ban kiểm soát

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- BKS được mời tham gia các cuộc họp HĐQT, nắm bắt các thông tin, nội dung của các cuộc họp HĐQT và đã đưa ra một số kiến nghị phù hợp với các chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- BKS thường xuyên xem xét, rà soát các báo cáo kinh doanh định kỳ, báo cáo Tài chính của Công ty, nắm bắt các tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đưa ra các kiến nghị kịp thời cho Ban Tổng giám đốc;
- BKS giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết của HĐQT và các quyết định của Ban giám đốc trong hoạt động SXKD theo các quy định hiện hành;
- BKS thực hiện giám sát tư cách Đại biểu cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Giám sát kết quả iểm phiếu và tính hợp lệ của phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với việc thực hiện dự án kinh doanh năm 2019 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- BKS được HĐQT mời tham gia các cuộc họp HĐQT, được HĐQT gửi các biên bản cuộc họp và các nghị quyết HĐQT;
- BKS được Ban giám đốc điều hành gửi báo cáo Tài chính định kỳ hàng quý, năm và các báo cáo kinh doanh định kỳ theo quy định chung của Công ty.
- BKS cũng thông báo cho HĐQT; Ban Tổng giám đốc nội dung các cuộc họp Ban kiểm soát. Thông báo kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong hoạt động SXKD cho Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ.

4. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo Điều lệ, Quy chế hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Điều hành Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ và thực hiện đúng các quy trình, quy chế của Tổng công ty.
- Tăng cường kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị.
- Kiểm soát hoạt động và kiểm tra các Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo đúng các quy định và chuẩn mực kế toán hiện hành, đảm bảo BCTC phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty.
- Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng hoạt động trong năm 2020.

Người đại diện Công ty



Hà Thanh Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Hoàng Anh Lộc	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo bao gồm

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính thích hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn ho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Hà Thành Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2020, từ trang 04 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Đức Tiến
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
 Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
 Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020



Ngô Tiến Thành
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2016-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

DVT: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.024.262.586.492	1.846.106.396.807
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	348.817.212.130	206.071.495.307
	1. Tiền	111		83.517.212.130	34.802.595.307
	2. Các khoản tương đương tiền	112		265.300.000.000	171.268.900.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.378.606.784.368	1.123.808.803.201
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.369.608.317.405	1.103.713.036.437
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.072.705.063	17.417.179.921
	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.925.761.900	3.476.910.867
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(798.324.024)
IV.	Hàng tồn kho	140	9	274.385.499.932	514.978.201.219
	1. Hàng tồn kho	141		275.626.665.339	516.245.454.987
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.241.165.407)	(1.267.253.768)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.453.090.062	1.247.897.080
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.349.409.543	1.162.029.635
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		103.680.519	85.867.445

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.515.951.343	166.301.899.774
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		323.951.299	320.159.599
	1. Phải thu dài hạn khác	216		323.951.299	320.159.599
II.	Tài sản cố định	220		114.380.534.964	120.490.690.867
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	40.315.686.940	46.425.842.843
	- Nguyên giá	222		177.791.618.273	190.560.146.044
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.475.931.333)	(144.134.303.201)
	2. Tài sản cố định vô hình	227	12	74.064.848.024	74.064.848.024
	- Nguyên giá	228		81.024.027.224	81.024.027.224
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.959.179.200)	(6.959.179.200)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		15.851.119.734	1.661.525.936
	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	15.851.119.734	1.661.525.936
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	40.203.656.000	40.711.363.939
	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	22.294.319.877
	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.191.000.000	18.491.000.000
	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(987.344.000)	(73.955.938)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.756.689.346	3.118.159.433
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.756.689.346	3.118.159.433
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.196.778.537.835	2.012.408.296.581

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.510.049.461.556	1.374.266.091.462
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.501.619.726.983	1.359.596.014.664
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	468.380.205.671	463.263.706.601
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	34.990.426.515	38.222.124.100
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	37.367.235.204	13.540.884.235
	4. Phải trả người lao động	314		41.817.855.264	56.807.658.379
	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	36.885.951.223	53.081.648.300
	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		540.465.956	1.284.761.284
	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	7.585.601.810	6.505.353.020
	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	829.797.961.309	706.823.202.499
	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	30.129.822.158	8.284.822.372
	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.124.201.873	11.781.853.874
II.	Nợ dài hạn	330		8.429.734.573	14.670.076.798
	1. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.233.310.665	1.125.672.765
	2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	2.196.423.908	8.544.404.033
	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.000.000.000	5.000.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		686.729.076.279	638.142.205.119
I.	Vốn chủ sở hữu	410	21	686.729.076.279	638.142.205.119
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	321.850.000.000	321.850.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	417		2.512.000.000	2.512.000.000
	3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		265.451.179.315	216.864.308.155
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		175.686.280.714	123.912.278.526
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.764.898.601	92.952.029.629
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.196.778.537.835	2.012.408.296.581



Hà Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.261.186.738.758	2.367.476.184.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	917.490.489	29.415.585
3. Doanh thu thuần (10= 01-02)	10		2.260.269.248.269	2.367.446.768.818
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	2.041.958.907.191	2.189.457.530.493
5. Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20		218.310.341.078	177.989.238.325
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	28.215.107.276	56.063.047.008
7. Chi phí tài chính	22	28	41.489.689.249	64.985.148.770
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		31.866.208.572	48.793.573.924
8. Lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.294.319.877)	5.334.342.690
9. Chi phí bán hàng	25	29	45.842.733.079	7.396.990.537
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	52.292.811.093	65.786.459.725
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22)-(25+26))	30		104.605.895.056	101.218.028.991
12. Thu nhập khác	31	31	6.535.436.267	7.363.027.355
13. Chi phí khác	32		1.852.065.750	65.226.209
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.683.370.517	7.297.801.146
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		109.289.265.573	108.515.830.137
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	19.524.366.972	15.563.800.508
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.764.898.601	92.952.029.629
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.789,03	2.690,43



Hà Thanh Hải
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Sơn
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	109.289.265.573	108.515.830.137
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế TM	02	10.009.817.761	10.207.383.398
- Các khoản dự phòng	03	88.975.677	(2.745.725.007)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.097.333	(2.437.624.771)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.417.953.528)	(55.735.490.180)
- Chi phí lãi vay	06	31.866.208.572	48.793.573.924
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	127.841.411.388	106.597.947.501
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(254.222.070.890)	133.445.000.790
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	240.618.789.648	(188.543.524.641)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.164.186.510	(88.682.107.550)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	174.090.179	810.884.235
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.783.094.784)	(50.044.031.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.214.717.521)	(33.598.577.992)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.650.679.442)	(8.995.741.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.927.915.088	(129.010.150.068)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.089.255.656)	(4.138.372.618)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	434.545.454	1.543.059.091
3. Tiền chi chi vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.700.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.096.057.887	51.275.384.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.258.652.315)	48.680.071.209
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.240.322.362.361	1,784,882,949,170
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,117,347,603,551)	(2,269,659,043,575)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31,898,304,760)	(37,154,887,250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	91,076,454,050	(521,930,981,655)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	142,745,716,823	(602,261,060,514)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	206,071,495,307	808,323,249,253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	9,306,568
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	348,817,212,130	206,071,495,307



Hà Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn
Người lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phạm Văn Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Hoàng Anh Lộc	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Lộc	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến ngày lập báo cáo là

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 048/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2020, từ trang 04 đến trang 32 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020



Ngô Tiến Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3754-2016-156-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN
 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,
 Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.018.545.658.698	1.840.387.779.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	343.272.144.247	200.499.623.491
1. Tiền	111		83.272.144.247	34.599.623.491
2. Các khoản tương đương tiền	112		260.000.000.000	165.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.378.547.685.739	1.123.748.039.020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.369.608.317.405	1.103.713.036.437
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.072.705.063	17.417.179.921
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.866.663.271	3.416.146.686
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(798.324.024)
IV. Hàng tồn kho	140	9	274.385.499.932	514.978.201.219
1. Hàng tồn kho	141		275.626.665.339	516.245.454.987
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.241.165.407)	(1.267.253.768)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.340.328.780	1.161.915.384
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.340.328.780	1.161.915.384
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.283.755.570	213.657.350.073
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		323.951.299	320.159.599
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	323.951.299	320.159.599
II. Tài sản cố định	220		114.148.559.276	120.145.318.371
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	40.083.711.252	46.080.470.347
- Nguyên giá	222		177.224.634.273	189.993.162.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.140.923.021)	(143.912.691.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	74.064.848.024	74.064.848.024
- Nguyên giá	228		81.024.027.224	81.024.027.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.959.179.200)	(6.959.179.200)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.851.119.734	1.661.525.936
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	15.851.119.734	1.661.525.936
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	90.203.656.000	88.417.044.062
1. Đầu tư và công ty con	251		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	20.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253		41.191.000.000	18.491.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(987.344.000)	(73.955.938)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.756.469.261	3.113.302.105
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.756.469.261	3.113.302.105
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.240.829.414.268	2.054.045.129.187

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN
 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,
 Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.560.917.444.584	1.422.562.059.602
I. Nợ ngắn hạn	310		1.552.487.710.011	1.407.891.982.804
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	468.380.205.671	463.263.706.601
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	34.990.426.515	38.222.124.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	35.662.958.555	12.449.680.320
4. Phải trả người lao động	314		41.817.855.264	56.807.658.379
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	38.466.010.900	54.543.820.355
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		540.465.956	1.284.761.284
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	7.585.601.810	6.505.353.020
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	880.790.161.309	754.748.202.499
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	30.129.822.158	8.284.822.372
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.124.201.873	11.781.853.874
II. Nợ dài hạn	330		8.429.734.573	14.670.076.798
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	1.233.310.665	1.125.672.765
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.196.423.908	8.544.404.033
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.000.000.000	5.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		679.911.969.684	631.483.069.585
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	679.911.969.684	631.483.069.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		258.634.072.720	210.205.172.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		169.027.145.180	121.863.794.815
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		89.606.927.540	88.341.377.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.240.829.414.268	2.054.045.129.187



Hà Tuấn Hải
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Sơn
 Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.261.186.738.758	2.367.476.184.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	917.490.489	29.415.585
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.260.269.248.269	2.367.446.768.818
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	2.041.958.907.191	2.189.457.530.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		218.310.341.078	177.989.238.325
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	27.929.143.460	55.807.572.328
7. Chi phí tài chính	22	28	44.674.776.871	64.934.798.012
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		35.051.296.194	51.783.245.979
8. Chi phí bán hàng	25	29	45.842.733.079	7.396.990.537
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	51.887.123.327	65.436.727.923
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		103.834.851.261	96.028.294.181
11. Thu nhập khác	31	31	6.535.436.267	7.363.027.355
12. Chi phí khác	32		1.852.065.750	65.226.209
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.683.370.517	7.297.801.146
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		108.518.221.778	103.326.095.327
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	18.911.294.238	14.984.717.521
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		89.606.927.540	88.341.377.806



Hà Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng


Trần Quốc Tuấn
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN
158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	108.518.221.778	103.326.095.327
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại	02	9.896.420.953	10.093.986.590
- Các khoản dự phòng	03	88.975.677	(5.785.747.820)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.097.333	(2.437.624.771)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.426.309.589)	(50.145.672.810)
- Chi phí lãi vay	06	35.051.296.194	51.783.245.979
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	128.133.702.346	106.834.282.495
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(254.322.145.438)	133.466.535.776
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	233.549.484.898	(188.543.524.641)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.991.650.168)	(88.682.107.550)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	178.419.448	763.348.968
- Tiền lãi vay đã trả	14	(34.850.294.784)	(50.044.031.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.214.717.521)	(33.598.577.992)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.650.679.442)	(8.995.741.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.832.119.339	(128.799.815.355)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.746.226.606)	(4.138.372.618)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	434.545.454	1.543.059.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.700.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.808.428.519	51.019.910.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.203.252.633)	48.424.596.529
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.243.389.562.361	1.784.882.949.170
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.117.347.603.551)	(2.269.659.043.575)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.898.304.760)	(37.154.887.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	94.143.654.050	(521.930.981.655)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	142.772.520.756	(602.306.200.481)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	200.499.623.491	802.796.517.404
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	9.306.568
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	343.272.144.247	200.499.623.491



Hà Thành Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Trần Quốc Tuấn
Người lập

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG – TIN HỌC BƯU ĐIỆN (CTIN)

Địa chỉ: 158/2 Phố Hồng Mai, P. Quỳnh Lôi, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 38 634597

Fax: +84 24 38 632061

Email: info@ctin.vn

Thông tin cá nhân liên hệ trực tiếp khi cần tìm hiểu thông tin doanh nghiệp:

Ông Nguyễn Trí Dũng.

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Điện thoại cố định: +84 24 3863 4597

Bà Lâm Nhị Hà.

- Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Điện thoại cố định: +84 24 3863 4597

